

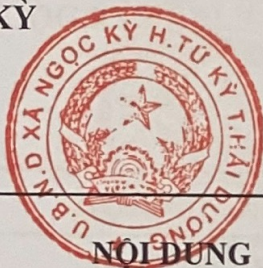


QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	10.962.986.729	6.295.977.000	4.667.009.729	10.938.986.729	6.295.977.000	4.643.009.729	99,78%	100%	99,49%
	Trong đó:									
1	Chi Dân quân tự vệ	344.143.000		344.143.000	344.143.000		344.143.000	100%		100%
2	Chi an ninh trật tự	123.082.000		123.082.000	123.082.000		123.082.000	100%		100%
3	Chi giáo dục	4.033.878.000	3.537.087.000	496.791.000	4.033.878.000	3.537.087.000	496.791.000		100%	
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	13.000.000		13.000.000	13.000.000		13.000.000	100%		100%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	44.433.000		44.433.000	44.433.000		44.433.000	100%		100%
6	Chi thể dục thể thao	233.970.000	199.970.000	34.000.000	209.970.000	199.970.000	10.000.000	90%		29%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	2.549.000.000	2.500.000.000	49.000.000	2.549.000.000	2.500.000.000	49.000.000	100%		100%
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.399.083.000	58.920.000	3.340.163.000	3.399.083.000	58920000	3.340.163.000	100%		100%
9	Chi sự nghiệp xã hội	130.960.000		130.960.000	130.960.000		130.960.000	100%		100%
10	Chi khác									
11	Chi dự phòng									
12	Chi chuyển nguồn	91.437.729		91.437.729	91.437.729		91.437.729	100%		100%

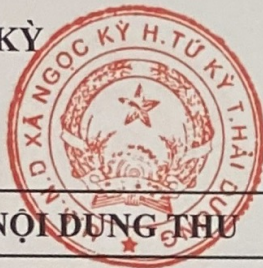


QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	10.907.540.000	10.907.540.000	10.962.986.729	10.962.986.729	100,51%	100,51%
I	Các khoản thu 100%	36.000.000	36.000.000	96.701.000	96.701.000	268,61%	268,61%
1	Thu phí, lệ phí	12.000.000	12.000.000	19.147.000	19.147.000	159,56%	159,56%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	22.000.000	22.000.000	33.352.000	33.352.000	151,60%	151,60%
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác			33.002.000	33.002.000		
4	Thu chuyển nguồn						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	2.000.000	2.000.000	11.200.000	11.200.000	560,00%	560,00%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	633.920.000	633.920.000	628.665.729	628.665.729	99,17%	99,17%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.000.000	19.000.000	19.518.285	19.518.285	102,73%	102,73%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.000.000	2.000.000	1.900.000	1.900.000	95,00%	95,00%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000.000	35.000.000	30.731.200	30.731.200	87,80%	87,80%
	- Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	6.000.000	4.465.040	4.465.040	74,42%	74,42%
	- Thuế giá trị gia tăng	13.000.000	13.000.000	13.131.204	13.131.204	101,01%	101,01%
	- Thu tiền sử dụng đất	558.920.000	558.920.000	558.920.000	558.920.000	100,00%	100,00%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	84.557.000	84.557.000	84.557.000	84.557.000	100,00%	100,00%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.153.063.000	10.153.063.000	10.153.063.000	10.153.063.000	100,00%	100,00%
	- Thu bổ sung cân đối	3.985.093.000	3.985.093.000	3.985.093.000	3.985.093.000	100,00%	100,00%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	6.167.970.000	6.167.970.000	6.167.970.000	6.167.970.000	100,00%	100,00%



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	10.962.986.729	TỔNG SỐ CHI	10.938.986.729
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	96.701.000	I. Chi đầu tư phát triển	6.295.977.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	628.665.729	II. Chi thường xuyên	4.551.572.000
III. Thu bổ sung	10.153.063.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	91.437.729
- Bổ sung cân đối	3.985.093.000		
- Bổ sung có mục tiêu	6.167.970.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	84.557.000		
Kết dư ngân sách			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		25.155.951.000			6.295.977.000		6.295.977.000	
1. Công trình hoàn thành		10.893.318.000			537.057.000		537.057.000	
- Lớp 1T1P móng 2T trường tiểu học ngọc Kỳ	6/17-10/17	988.486.000			62.533.000		62.533.000	
- Tường rào rãnh thoát nước THCS ngọc Kỳ	11/17-2/18	1.197.289.000			151.676.000		151.676.000	
- Nhà lớp học bộ môn 2T6P trường THCS xã	10/17-05/18	4.969.109.000			17.788.000		17.788.000	
- Quét vôi ve nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn 1T2P, nhà lớp học 1T3P, nhà lớp học 2T8P, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, tường rào, cải tạo nhà lớp học 1T2P trường Tiểu học	2019	776.610.000			68.033.000		68.033.000	
- Cải tạo nhà hiệu bộ và mái nhà lớp học 2T6P THCS Ngọc Kỳ	2019	904.082.000			37.057.000		37.057.000	
- Kè, san lấp, sân khấu sân vận động TT xã Ngọc Kỳ	8/17-11/17	999.601.000			131.160.000		131.160.000	
- Cổng hàng rào sân thoát nước sân vận động ngọc Kỳ	11/17-2/18	1.058.141.000			68.810.000		68.810.000	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngọc Kỳ, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thoảng